

KHỞI NGHĨA LÊ THÀNH PHƯƠNG Ở PHÚ YÊN (1885-1887)

ĐÀO NHẬT KIM*

Cuộc tấn công vào quân Pháp tại Kinh thành Huế đêm 4 rạng ngày 5-7-1885 thất bại, Tôn Thất Thuyết phò giá vua Hàm Nghi ra Tân Sở, hạ Chiếu Cần Vương kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên chống giặc. Hưởng ứng lời kêu gọi Cần Vương, một phong trào nổi dậy chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ mạnh mẽ khắp cả nước.

Ở Phú Yên, ngày 15-8-1885, các đạo quân ứng nghĩa Cần Vương đã thống nhất dưới ngọn cờ chỉ huy của Lê Thành Phương tiến hành lễ tế cờ tại núi Một, thôn Tân An, tổng Xuân Vinh, ban bố "*Hịch Chiêu quân*" mở đầu cho cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và chính quyền tay sai.

1. Chuẩn bị lực lượng, xây dựng căn cứ

Lê Thành Phương sinh năm 1825 tại làng Mỹ Phú, tổng Xuân Vinh, phủ Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là thôn Mỹ Phú, xã An Hiệp, huyện Tuy An) trong một gia đình trung lưu. Năm 1855, ông đỗ Tú tài tại trường thi Bình Định nên thường gọi là Tú Phương. Khi dựng cờ khởi nghĩa, ông tự xưng là *Thống soái Bình Tây*, tập hợp nghĩa quân chia làm các thứ quân trấn giữ những nơi hiểm yếu.

Toàn tỉnh Phú Yên được chia làm 3 quân khu: quân khu Bắc từ đèo Cù Mông đến đèo Tam Giang gồm quân thứ Xuân Đài, quân thứ Xuân Sơn do Phó soái Bùi Giảng chỉ huy đặt tổng hành dinh tại Hòn Đồn; quân khu trung tâm là căn cứ Xuân Vinh do Lê Thành Phương trực tiếp chỉ huy đóng tại đèo Quán Cau; quân khu Nam gồm quân thứ các tổng Hòa Bình, Hòa Đa, Hòa Lạc, Hòa Mỹ do Đề đốc Trương Chính Đường, Đặng Đức Vĩ, Nguyễn Văn Tịnh, Tham trấn Nguyễn Hữu Dực chỉ huy đóng quân tại Núi Sầm, Phú Thuận, Mỹ Thạnh. Bên cạnh các thứ quân là lực lượng hương binh đóng rải rác ở các làng và chịu sự chỉ đạo chung của các Đề đốc Tổng binh. Dọc theo bờ biển từ Cù Mông cho đến Xuân Đài, Vũng Rô... hàng loạt các đồn biên phòng chống địch đổ bộ cũng được thiết lập. Lực lượng nghĩa quân Cần Vương cả tỉnh Phú Yên lúc đầu 2000 người, sau đó không ngừng tăng lên (1) với thành phần bao gồm người Kinh và các dân tộc thiểu số Ba Na, Edê, Chăm... Trong hàng ngũ nghĩa quân còn có một người Hoa, với vai trò nổi bật là thương nhân Ngô Kim Ký phụ trách việc mua vũ khí từ bên ngoài nhập về cho nghĩa quân (2).

* Th.S. Trường Đại học Phú Yên

Để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, nghĩa quân đã chủ động chế tạo vũ khí. Các xưởng rèn đúc được lập ở vùng Lò Thổi, Lư Sơn huyện Đồng Xuân; khu vực Vườn Xá, Vườn Đình, đồng Súng bắn ở huyện Tuy Hoà... Vũ khí của nghĩa quân ngoài gươm giáo, mã tấu còn có cả súng điều sang, súng thần công tự chế và đại bác cỡ nhỏ mua từ các lái buôn người Anh ở Hồng Kông thông qua thương nhân người Hoa.

Trước khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ, Lê Thành Phương và các thủ lĩnh nghĩa quân đã chú trọng xây dựng các căn cứ địa, coi đó là yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại của phong trào. Hàng loạt căn cứ được xây dựng khá hoàn chỉnh trên địa bàn khắp tỉnh với chức năng khác nhau như tích trữ quân lương, sản xuất vũ khí, luyện tập quân đội... Các căn cứ này vừa có thể huy động lực lượng tại chỗ tiến hành đánh giặc, vừa có thể rút lui khi gặp thế bất lợi.

Khu vực phía Bắc tỉnh có các căn cứ Định Trung, Tổng Bình là nơi tập hợp lực lượng và tổ chức chống địch đồ bộ.

Căn cứ Định Trung: bao gồm các cứ điểm liên hoàn như Hòn Đồn, Đồng Gò, Đồng Miếu, gò Bánh Xe. Trong đó quan trọng nhất là Hòn Đồn và gò Bánh Xe.

Hòn Đồn gồm những dãy núi thấp liên nhau, nằm giữa hai cánh đồng nhỏ là Đồng Miếu và Đồng Nây. Từ đỉnh Hòn Đồn có thể khống chế cả một vùng đồng bằng Phong Hậu, đường bộ Ngân Sơn - La Hai cũng như toàn bộ vùng châu thổ sông Cái đến vịnh Xuân Đài. Tên Hòn Đồn xuất hiện từ khi Bùi Giảng đem quân trấn giữ và bố trí hệ thống súng thần công bảo vệ khu căn cứ này. Phía dưới Hòn Đồn là cư dân đông đúc của 6 thôn Phong Lãnh, Phong Hanh, Phong Hậu, Phong Nhiêu, Phong Niên, Phong Phú. Tại đây, chợ Đèo được hình

thành để tiện việc trao đổi sản vật giữa cư dân trong vùng với nhau và cung cấp lương thực, thực phẩm cho nghĩa quân. Các cánh đồng như Đồng Miếu, Đồng Gò, Đồng Nây, Đồng Lan là những cánh đồng nhỏ nhưng đất đai tươi tốt thích hợp cho cây lúa và các loại hoa màu khác như ngô, sắn, đậu, rau quả. Đây là nguồn lương thực đảm bảo cung cấp cho nghĩa quân tiến hành kháng chiến. Cứ điểm gò Bánh Xe là nơi nghĩa quân luyện tập, thử súng thần công, có hào công sự dẫn vào các hốc núi làm đường hành quân khi có chiến sự.

Từ căn cứ này, nghĩa quân có thể tiến công đánh chiếm miệt hạ lưu sông Cái bao gồm vùng Ngân Sơn, An Thổ, Xuân Đài..., vừa có thể rút lui về Vân Hoà, La Hiên, Tổng Bình rất thuận lợi. Đây là căn cứ lớn của nghĩa quân trong suốt cuộc khởi nghĩa và trở thành Đại bản doanh của khu vực bắc Phú Yên. Phó soái Bùi Giảng, người chỉ huy ở đây nổi lên trở thành một trong những thủ lĩnh quan trọng của phong trào.

Căn cứ Tổng Bình: được xây dựng dưới chân núi La Hiên, vốn là căn cứ thời Tây Sơn. Nguyễn Bá Sự và Nguyễn Thị Vân Dương thiết lập căn cứ với các điều kiện thuận lợi: phía trước có sông Trà Bương và núi Trà Bương và phía sau là hệ thống núi non trùng điệp, thuận lợi cho việc phòng thủ. Ngoài ra có các cánh đồng Suối Rể, Suối Trầu, Trà Kê để sản xuất lương thực. Từ Tổng Bình có thể tiến quân xuống đồng bằng phủ Tuy An hoặc chi viện cho căn cứ Định Trung.

Quân khu trung tâm là **Căn cứ Xuân Vinh-Quán Cau** do Lê Thành Phương trực tiếp chỉ huy. Quân số ban đầu là 300, về sau tăng lên trên 1500 nghĩa quân. Căn cứ này bao gồm hàng loạt cứ điểm quan trọng liên tiếp nhau: đồn tiền tiêu ở núi Một, bên cạnh có Gò Cát, Gò Cụt, gò Trú Quân là các

điểm đóng quân hỗ trợ. Nằm sâu về phía Tây là các đồn Lâm Cẩm do Tả tham quân Lê Thành Bính chỉ huy, đồn Chóp Vung - nơi đặt sở chỉ huy của Lê Thành Phương; phía Bắc là đèo Quán Cau án ngữ và bên dưới là đầm Ô Loan sử dụng cho thủy quân; phía Nam là núi Phú Điểm ngăn địch đánh từ Tuy Hòa ra. Phía sau căn cứ là núi rừng Tuy Dương trùng điệp nối liền với các căn cứ Vân Hòa, Tổng Bình có thể rút lui khi cần thiết.

Từ căn cứ Xuân Vinh-Quán Cau, nghĩa quân có thể thẳng đường tiến đánh tỉnh thành An Thổ hoặc tiếp viện cho các đồn binh ở phía Bắc tỉnh và tiến vào phía Nam đánh chiếm huyện Tuy Hoà. Với hệ thống đồn lũy và cách bố phòng hợp lý, căn cứ Xuân Vinh-Quán Cau trở thành một công trình phòng thủ vững chắc "*hiếm thấy*" trong phong trào chống Pháp ở Nam Trung Kỳ (3).

Khu vực phía Nam tỉnh có các căn cứ Núi Sầm-Vườn Đình, Phú Thuận... có vai trò bảo vệ quân khu Nam đồng thời là các trạm hậu cần cho nghĩa quân Phú Yên khi tiến vào Khánh-Thuận.

Căn cứ Núi Sầm - Vườn Đình: nằm phía tả ngạn sông Đà Rằng thuộc tổng Hoà Bình huyện Tuy Hoà. Tại đây, đội quân thứ gần 1000 người dưới quyền chỉ huy của Đề đốc Đặng Đức Vĩ và Phó Đề đốc Trần Đôn cùng các phụ tá Tấn Tương, Tấn Lý, Tấn Thiều. Bản doanh của căn cứ đóng tại Núi Sầm, một trung tâm huấn luyện của quân Tây Sơn trước đây. Vườn Đình là nơi nghĩa quân luyện tập và chế tạo vũ khí, có lò đúc súng thần công. Di tích các lò này đến nay vẫn còn dấu vết đất cháy, cây cỏ không mọc được. Ở Vườn Học làng Tây Phú có trường dạy võ do hai võ sư là Nguyễn Hải và Nguyễn Cương tổ chức huấn luyện (4).

Căn cứ Phú Thuận: căn cứ này nằm tiếp giáp với phía bắc tỉnh Khánh Hòa, từ đây nghĩa quân có thể ngược phía Tây lên vùng núi non trùng điệp Tây Nguyên hoặc xuôi theo dòng Bánh Lái phối hợp với lực lượng quân thứ tổng Hoà Đa. Tại Vườn Xá, nghĩa quân lập xưởng quân giới do Ngô Bá phụ trách, chế tạo các loại vũ khí đơn giản như gươm giáo, súng kíp đến súng thần công. Nghĩa quân đắp một ụ đất giữa đồng làm bia thử súng nên gọi là đồng Súng bắn. Đồn chỉ huy đặt tại miếu bà Hoà, xung quanh là thao trường luyện quân, có nơi nuôi ngựa (đến nay còn lưu lại địa danh bến Ngựa), lương thực sản xuất ở đồng Quan trại. Chỉ huy căn cứ là Đề đốc Nguyễn Văn Tịnh và Tham tán Nguyễn Đức Thảo, Kiểm biện Đỗ Châu, kiểm lương Đỗ Tịnh.

Chiếm vị trí quan trọng của quân khu Nam, căn cứ Phú Thuận đã góp phần đáng kể cho nghĩa quân trong thời kỳ đầu tiến công đánh chiếm huyện Tuy Hoà và là nơi bổ sung lực lượng cho các cánh quân Phú Yên tiến vào giải phóng các tỉnh Khánh Hoà, Bình Thuận trong những năm 1885-1886.

Ngoài ra vùng rừng núi phía Tây Phú Yên có các căn cứ địa Vân Hòa, Hà Đăng-Thổ Lồ là những căn cứ sơn phòng cho nghĩa quân rút lui, bảo toàn lực lượng trong giai đoạn cuối của cuộc khởi nghĩa.

Như vậy, ở Phú Yên trước khi phát động cuộc khởi nghĩa, Lê Thành Phương đã thống nhất các đạo nghĩa binh trong toàn tỉnh, xây dựng căn cứ, phân chia khu vực đóng quân. Trong quá trình thống nhất lực lượng, Lê Thành Phương nổi lên là thủ lĩnh có uy tín lớn trong phong trào Cần Vương Phú Yên. Năm ấy ông đã 60 tuổi.

2. Diễn biến cuộc khởi nghĩa

Sau lễ tế cờ, dưới sự chỉ đạo của Lê Thành

Phương, nghĩa quân Cần Vương Phú Yên tiến hành diệt trừ nội phản, đánh đổ chính quyền tay sai Nam triều. Lúc này khẩu hiệu "Bình Tắt sát tả" từ Quảng Ngãi lan rộng khắp các tỉnh Trung Kỳ và ở Phú Yên việc "sát tả" diễn ra quyết liệt. Nghĩa quân lùng bắt những kẻ làm tay sai cho giặc Pháp, đồng thời tấn công vào các cơ sở của đạo Thiên chúa. Ngày 12-8-1885, nghĩa quân tiến đánh nhà thờ Cây Da, Trà Kê và bị lực lượng ở đây chống trả quyết liệt, gây tổn thất không nhỏ cho nghĩa quân: tri huyện Thiện, đốc bang Lân, xã trưởng Hào tử trận (5). Ngày 19-8-1885, nghĩa quân tấn công nhà thờ Quán Cau giết thừa sai Iribarne và các linh mục Bảo, linh mục Hậu. Trong thời gian này, hàng loạt các nhà thờ khác trong tỉnh như Hoa Vông, Bến Buôn, Hội Tĩnh, Chợ Mới bị nghĩa quân đánh phá. Tài liệu Pháp ghi nhận *"cuộc nổi dậy của văn thân đã tập trung tất cả sức lực để chống lại giáo dân"* (6).

Sai lầm của nghĩa quân trong việc "sát tả" là đánh đồng Việt gian với những người theo đạo Thiên chúa, vô tình đẩy một bộ phận nhân dân đứng về phía kẻ thù, làm rạn nứt khối đoàn kết dân tộc và làm suy giảm sức chiến đấu của phong trào. Đây là hạn chế của phong trào chống Pháp ở Phú Yên nói riêng và cả nước nói chung trong thời kỳ Cần Vương.

Nhằm liên kết phong trào Phú Yên với các tỉnh cực Nam Trung Kỳ, vào cuối tháng 8-1885, Lê Thành Phương lệnh cho Bùi Giảng đem quân tiến qua Khánh Hoà vào Bình Thuận. Ngày 30-8-1885, cánh quân của Bùi Giảng cùng đạo quân thứ Tuy Viễn (Bình Định) của Bùi Đăng đã tiến đến Phan Rang, đốt cháy những làng giáo dân Dao Long, Dao Nhin, Dao Sơn, đánh tan nhiều đội quân tay sai của Pháp, lật đổ chính quyền Nam triều bù nhìn tỉnh Bình Thuận

vào ngày 4-9-1885 (7). Sau đó, Bùi Giảng và Bùi Đăng rút nhanh về Khánh Hoà phối hợp với Lê Thành Bính mới được Lê Thành Phương phái vào đánh phá phủ Ninh Hoà và huyện Tân Định (nay là Vạn Ninh), đập tan những lực lượng chống đối tại đây, hỗ trợ cho phong trào Cần Vương Khánh Hoà.

Đến giữa tháng 9-1885, nghĩa quân Phú Yên đã làm chủ các vùng nông thôn hai huyện Đồng Xuân, Tuy Hoà và hai nguồn Thạch Thành, Hà Di, đẩy chính quyền tay sai Nam triều rơi vào tình thế cô lập, chỉ còn chiếm giữ tỉnh lỵ và huyện lỵ Tuy Hoà. Trước tình thế nguy cấp, Án sát Hoàng Cán đã cầu cứu quân Pháp ở Bình Định. Thiếu tá Dumas cử ngay một đại đội lính Pháp từ Qui Nhơn vào tăng cường phòng thủ thành An Thổ (8) và hàng ngày cho tàu chiến đi thị sát vùng biển Bình Định-Phú Yên theo dõi chặt chẽ tình hình.

Cuối tháng 9-1885, nghĩa quân Cần Vương Phú Yên mở chiến dịch tấn công tỉnh thành An Thổ nhằm lật đổ chính quyền tay sai thân Pháp do Án sát Hoàng Cán cầm đầu. Tại đây, quân địch vừa được tăng viện với quân số lên đến gần 1000 tên và một đại đội lính Pháp ra sức đóng giữ (9). Lê Thành Phương huy động nghĩa quân cả tỉnh phối hợp tiến đánh: đạo quân phía bắc tỉnh do Bùi Giảng phối hợp với Nguyễn Bá Sự, Võ Hữu Phú, đốc Ba, đốc Tấn, Nguyễn Bảy, Nguyễn Sách đánh vào mạn Bắc và Tây của thành; đạo quân phía Nam do Lê Thành Bính phối hợp với Huỳnh Tấn, Lê Thành Ký, Trần Đôn vượt sông Ngân đánh vào mặt Đông và Nam thành. Chiến trường diễn ra ác liệt, các đồn bảo vệ ngoại vi của địch lần lượt tan vỡ, nghĩa quân vượt cầu treo chiếm trại chỉ huy trong thành. Quân địch một số bị tiêu diệt, số còn lại rút chạy theo hướng biển ra Qui Nhơn. Quốc sử quán triều Nguyễn ghi

chép sự kiện này: *"Thân hào tỉnh Phú Yên chiếm giữ tỉnh thành, bố chánh là Phạm Như Xương bị bức giam, bọn án sát Hoàng Cán, lãnh binh Nguyễn Văn Hanh đều đi tránh"* (10). Sau đó nghĩa quân đánh chiếm huyện thành Tuy Hoà tại Đông Phước giết tri huyện Lê Đình Mại, đuổi Án sát Đinh Duy Tân phải đào tẩu vào Khánh Hoà (11).

Thắng lợi to lớn của Cần Vương Phú Yên đã có tác động hỗ trợ phong trào hai tỉnh Khánh Hoà và Bình Thuận lên cao. Thừa lệnh của Lê Thành Phương, ngày 14-12-1885, sau khi tiến đánh Bình Thuận, phó soái Bùi Giảng rút quân về đánh chiếm thành Diên Khánh bắt sống bố chánh và án sát tỉnh này giao cho nghĩa quân Khánh Hoà (12). Từ tháng 4 đến tháng 6-1886, lực lượng Bùi Giảng gồm 3000 người phối hợp với nghĩa quân của Bình Thuận do Nguyễn Xương, Ung Chiếm lãnh đạo chiếm phủ Ninh Thuận và các thành Phan Rí, Phan Thiết đồng thời đem quân áp sát ranh giới đe dọa an ninh của xứ trực trị Nam Kỳ. Trước tình hình đó, chính quyền Nam Kỳ được sự thoả thuận của triều đình Huế đem quân viễn chinh ra đàn áp phong trào các tỉnh Nam Trung Kỳ và âm mưu sáp nhập các tỉnh này vào Nam Kỳ. Từ ngày 3/7-20/8/1886, quân Pháp đánh chiếm Bình Thuận, phá tan lực lượng Cần Vương ở đây. Ngày 20-8-1886 chúng tiến đánh Khánh Hoà, các thủ lĩnh Cần Vương của Khánh Hoà như Trịnh Phong, Trần Đường, Nguyễn Khanh lần lượt bị bắt, bị giết, phong trào coi như thất bại.

Trong lúc chiến sự diễn ra ở Khánh Hoà, một kế hoạch *"giải quyết Phú Yên đã được quyết định"* (13) tại Sài Gòn. Theo đó, quân Pháp sẽ đổ bộ lên vịnh Xuân Đài đánh chiếm khu vực Bắc Phú Yên để cắt đứt sự liên kết giữa lực lượng Cần Vương hai tỉnh Phú Yên và Bình Định. Sau đó đốc toàn bộ

lực lượng đánh vào phía Nam, tập trung vào căn cứ Xuân Vinh-đại bản doanh của Lê Thành Phương trực tiếp chỉ huy và truy kích lên miền Tây tiêu diệt các cứ điểm còn lại. Kế hoạch này quả thật hoàn hảo nhằm mục đích tiêu diệt hoàn toàn lực lượng Cần Vương ở Phú Yên, tiến tới cô lập, tiêu diệt phong trào Bình Định.

Ngày 4-2-1887, đạo quân viễn chinh Nam Kỳ làm lễ xuất phát tại đại lộ Norodom xuống tàu ra Phú Yên trên chiến hạm Nièvre và Clocheterie (14). Đội quân này gồm 1500 người, trong đó 500 lính chính qui (200 lính Âu và 300 lính bản xứ) do thiếu tá Chevreux chỉ huy và 1000 lính tình nguyện mới được tuyển mộ dưới quyền của Tổng đốc Trần Bá Lộc. Tham gia trong đoàn quân có những tên sĩ quan thực dân đã dày dạn kinh nghiệm trong việc đàn áp phong trào yêu nước ở Nam Kỳ như: Đại úy pháo binh Gosselin, Phó Đại úy Gouttenègre trong bộ tham mưu; Đại úy Nicolais, Trung úy Grimal, Thiếu úy Tipveau, Trung úy Hervé, Philippe chỉ huy đại đội thứ 8... và nhiều tên tay sai trung thành với nước Pháp như Chánh quản Huỳnh Công Hiếu, kinh lịch Hồ Tuấn, đốc phủ sứ Gò Công Lê Tấn Đức (15).

Ngày 5-2-1887 quân Pháp đã đến vịnh Xuân Đài. Khoảng 5 giờ sáng ngày 6-2-1887, quân địch đổ bộ lên cửa biển Tiên Châu- cửa ngõ quan trọng nhất của Phú Yên lúc bấy giờ. Phần lớn dân chúng các làng Tiên Châu, Hội Phú, Bình Thạnh đã di tản mang theo của cải, để lại vườn không nhà trống (16). Với trang bị vũ khí hơn hẳn, quân Pháp đã nhanh chóng đánh chiếm các pháo đài Phú Vinh, Mỗi Tra, Tiên Châu chọc thủng hệ thống phòng thủ tiền duyên tại Vũng Lắm, nghĩa quân phải lùi sâu vào đất liền cố thủ và chặn địch. Quân Pháp dùng sơn pháo 80mm có sức

công phá mạnh tiến chiếm 3 cứ điểm Tân Thạnh, Đồi Dương, Xuân Đài và hạ thành An Thổ. Tại bến dò Phủ, hơn 100 nghĩa quân đã dũng cảm chiến đấu hy sinh đến người cuối cùng để bảo vệ cứ điểm. Đại đồn Định Trung, một căn cứ lớn và quan trọng của quân khu Bắc do Phó soái Bùi Giảng chỉ huy cũng rơi vào tay địch trong ngày 7-2-1887.

Ngày 8-2-1887, địch tập trung lực lượng đánh vào khu trung tâm Xuân Vinh, nơi có các cánh quân chủ lực do Lê Thành Phương trực tiếp chỉ huy. Mặc dù chiến đấu dũng cảm, các trận đánh chặn địch trên đèo quán Cau, phục kích tại núi Một, đánh giáp lá cà tại Phiên Thứ, Tân An nghĩa quân không ngăn nổi bước tiến của địch. Sau một ngày kịch chiến, các pháo đài Chóp Vung, Lâm Cấm, gò Trú Quân thất thủ, các làng chiến đấu Đồng An, Đồng Đức, Mỹ Phú, Phong Phú bị vỡ. Lê Thành Phương ra lệnh rút lên căn cứ địa Vân Hoà mưu tính cuộc kháng chiến lâu dài.

Sau ngày 8-2-1887, quân Pháp tiến vào đồng bằng huyện Tuy Hoà chạm trán với nghĩa quân các tổng do Đặng Đức Vĩ, Trương Chính Đường, Nguyễn Hữu Dục chỉ huy. Trước sức mạnh của địch, nghĩa quân vừa đánh vừa rút lui về miền núi, vùng đồng bằng quân địch chiếm giữ. Ngày 14-2-1887 trên đường từ Trà Kê trở về đồng bằng để bàn tính kế hoạch phản công thì Lê Thành Phương bị địch bắt (17). Ngày 15-2-1887, từ bản doanh đặt tại huyện lỵ Tuy Hoà, Chevreux viết: *"Toàn thể phía nam xứ này đã được bình định, tất cả các làng đã qui thuận, mang vũ khí, đại bác, cò nỏ cho Tổng đốc [Trần Bá Lộc]"* (18).

Sau khi bắt được Lê Thành Phương, địch đem giam giữ tại Hàng Dao (nay là xã An Thạch, huyện Tuy An), chúng ra sức dụ dỗ nhưng không lung lạc được khí tiết của vị Thống soái phong trào. Ngày 20-2-1887

tại bến dò Cây Dừa phủ Tuy An, trước đám đông dân chúng bị ép buộc tập trung, Lê Thành Phương ngẩng cao đầu nhận án xử chém của kẻ thù, bỏ mình vì nghĩa lớn. Ngày 23-2-1887, Hữu tham quân Lê Thành Bính bị địch phục kích tại Vân Hoà, sau đó qua đời vì vết thương quá nặng. Ngày 25-2-1887, phó soái Bùi Giảng ra đầu thú, đánh dấu phong trào Cần Vương Phú Yên thời kỳ Lê Thành Phương lãnh đạo tạm lắng.

Từ cuối tháng 2-1887, khu vực đồng bằng về cơ bản bị Pháp chiếm đóng, nghĩa quân rút về phía Tây Phú Yên xây dựng các căn cứ mới trên dãy núi La Hiên và tiến hành kháng chiến dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Bá Sự kéo dài đến năm 1892 mới kết thúc.

3. Một số nhận xét

Thứ nhất, khởi nghĩa Lê Thành Phương là bộ phận của phong trào Cần Vương cả nước và khu vực Nam Trung Kỳ. Dưới sự lãnh đạo của sĩ phu, văn thân đứng đầu là Lê Thành Phương, các tầng lớp nhân dân Phú Yên đã đồng lòng đứng lên lật đổ chính quyền tay sai Nam triều tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Khi tham gia phong trào, các nghĩa sĩ Cần Vương Phú Yên đều thấm nhuần tư tưởng trung quân ái quốc. Với họ, ứng nghĩa Cần Vương không phải là để bảo vệ triều đại nhà Nguyễn mục nát, đầu hàng giặc mà là ủng hộ vua Hàm Nghi - một vị vua trẻ có tinh thần yêu nước chống Pháp, muốn giành độc lập cho dân tộc đã mất vào tay ngoại bang, mục đích ấy được phản ánh trong dòng chữ thêu trên lá cờ của nghĩa quân: *"Tiểu giặc trừ gian, bình quốc loạn. Hương binh ứng nghĩa phục giang san"*.

Ủng hộ nhà vua yêu nước chống giặc, đồng thời để bảo vệ cuộc sống yên lành cho nhân dân là mục tiêu của khởi nghĩa Lê Thành Phương. Vì vậy, nghĩa quân đã

chiến đấu dũng cảm, lần lượt đánh đổ chính quyền tay sai từ xã đến tổng, huyện và cuối cùng tập trung vào trận đánh quyết định tại tỉnh thành An Thổ giải phóng hoàn toàn Phú Yên (9-1885). Không dừng lại ở đó, nghĩa quân còn vươn xa vượt khỏi phạm vi Phú Yên tiếp sức và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào Cần Vương các tỉnh Khánh Hoà, Bình Thuận nổi dậy làm chủ tình hình, đưa Phú Yên trở thành trung tâm của phong trào chống Pháp khu vực phía nam Huế (19).

Thứ hai, so với phong trào Cần Vương cả nước thì khởi nghĩa Lê Thành Phương ở Phú Yên đã sớm thống nhất lực lượng, phân chia các khu vực đóng quân dưới sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy nghĩa quân, khác với tình trạng phân tán thành các nhóm nhỏ lẻ, tự lập tác chiến ở phong trào một số tỉnh. Sau lễ tế cờ ngày 15-8-1885, Bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa đứng đầu là Lê Thành Phương được thành lập, bên cạnh có các phó soái, hữu tham quân, tả tham quân, tán tương quân vụ, tán lý quân lương, kiểm biện, kiểm quân... cùng nhau giải quyết công việc chung. Khi chính quyền trong toàn tỉnh đã về tay nghĩa quân, chế độ quân quản được thiết lập mà ở đó các tướng lĩnh vừa chỉ huy lực lượng quân sự, vừa lãnh đạo chính quyền bảo vệ và chăm lo đời sống nhân dân. Từ các đạo quân ứng nghĩa riêng lẻ, Lê Thành Phương đã tập hợp thành một phong trào thống nhất. Phải nói rằng, ông đã thể hiện tài năng quân sự, uy tín chính trị lớn trong toàn thể dân chúng và các thủ lĩnh phong trào. Tirant, một đối thủ của nghĩa quân đã nhận xét Lê Thành Phương là “*một người thông minh hiếm có, ông đã xây đắp thành lũy phòng thủ như những người am hiểu nghề nghiệp*” (20).

Thứ ba, nét nổi bật của khởi nghĩa Lê Thành Phương là có sự liên kết với phong

trào các tỉnh Khánh Hoà, Bình Thuận cùng nhau chiến đấu lật đổ chính quyền tay sai đồng thời chống lại âm mưu sáp nhập các tỉnh cực Nam Trung Kỳ vào xứ Nam Kỳ trực trị.

Từ tháng 8-1885 đến 6-1886, Lê Thành Phương đã cử các đạo quân do Bùi Giảng, Lê Thành Bính chỉ huy tiến vào Khánh Hoà, Bình Thuận phối hợp với Trịnh Phong, Nguyễn Xương lật đổ các chính quyền tay sai do tổng đốc Lê Liêm cầm đầu ở Bình Thuận và bố chánh Tôn Thất Hoan ở Khánh Hòa đưa phong trào ở đây vào phạm vi của công cuộc Cần Vương kháng Pháp. Sự phối hợp chiến đấu giữa nghĩa quân Phú Yên và các tỉnh Nam Trung Kỳ còn nhằm chống lại âm mưu sáp nhập các tỉnh này vào Nam Kỳ của thực dân Pháp. Âm mưu này được thể hiện trong báo cáo của thống đốc Nam Kỳ gửi cho Bộ hải quân và thuộc địa: “*Các tỉnh Bình Thuận và Khánh Hoà, thật vậy rất xa Huế và rất gần Sài Gòn. Việc sáp nhập chúng vào với Nam Kỳ đem lại cho chúng ta các biên giới tự nhiên tuyệt vời tạo nên bởi các hẻm núi gần mũi Vũng Rô (Đèo Cả) và trong tương lai, sẽ đảm bảo an ninh của thuộc địa chúng ta...*” (21). Vì vậy, các cuộc tiến quân của Cần Vương Phú Yên vào Khánh-Thuận biểu hiện ý chí mãnh liệt của nghĩa quân nhằm phá tan âm mưu của phái “thôn tính” hòng nuốt chửng các tỉnh Nam Trung Kỳ vào vùng đất trực trị Nam Kỳ. Trong cuộc chiến đấu này, nghĩa quân Phú Yên đã dọ sức quyết liệt với quân đội Pháp và tay sai Trần Bá Lộc.

Thứ tư, cuộc khởi nghĩa Lê Thành Phương thể hiện tính nhân dân sâu sắc. Phong trào Cần Vương Phú Yên bùng nổ có nguồn gốc sâu xa từ truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc, song nguyên nhân trực tiếp là bảo vệ lợi ích của nhân dân, giành độc lập tự chủ... Do đó, phong

trào đã lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia, không phân biệt miền xuôi hay miền ngược, thân hào, sĩ phu, dân thường hay quan lại.

Lê Thành Phương - linh hồn của cuộc khởi nghĩa đã nhìn thấy sức mạnh của phong trào chính là ở nhân dân. Ông chủ trương đoàn kết tất cả các thành phần dân tộc sống trên mọi miền quê Phú Yên. Từ bộ phận lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là những huy quan như Đặng Đức Vĩ đến các quan lại đương chức như tri huyện Lê Thiện, Trần Kỳ Phong; các tú tài như Trương Chính Đường, tú Giản, tú Kiện; khoá sinh như Bùi Giảng, Nguyễn Hữu Dực; thân hào bá hộ như Trần Đôn, Lương Công Thức, Nguyễn Bá Sự... đến đông đảo các thành phần khác như nông dân, thương nhân người Hoa và đội ngũ thợ rèn, thợ mộc, thợ đúc đảm nhận việc chế tác vũ khí. Đặc biệt, sự tham gia đông đảo đồng bào dân tộc

thiểu số trong hàng ngũ nghĩa quân đã khiến cho bọn thực dân phải kinh ngạc *“gần như toàn thể dân chúng và các quan lại đã tham gia nghĩa binh, đây là một hiện tượng phi thường”* (22).

Khởi nghĩa Lê Thành Phương hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp ở Phú Yên cuối cùng thất bại do những hạn chế khách quan của lịch sử, nhưng tinh thần chiến đấu hy sinh oanh liệt của nghĩa quân cũng như vị thủ lĩnh phong trào đã để lại tấm gương sáng ngời về ý chí kiên cường bất khuất trong lòng người dân Phú Yên và dân tộc Việt Nam. Nhân dân Phú Yên đã ghi nhớ và tưởng niệm người anh hùng Lê Thành Phương một cách sâu sắc. Thị xã Sông Cầu được mang tên Tú Phương (năm 1945) và một ngôi đền tưởng niệm xây dựng năm 1971 tại làng Mỹ Phú dưới chân đèo Quán Cau- nơi Lê Thành Phương dựng cờ khởi nghĩa.

CHÚ THÍCH

- (1). Theo Général X***, trong *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, Chapelot Paris, (1901), tr. 177, có đề cập đến lực lượng nghĩa quân trấn giữ quân khu bắc Phú Yên dưới quyền chỉ huy của Bùi Giảng gồm 6000 người. Chỉ riêng lực lượng nghĩa quân Phú Yên tiến vào Khánh-Thuận do Bùi Giảng chỉ huy cũng đã lên đến 3000 người.
- (2), (3), (6), (7), (12), (16), (18), (19), (20), (22). Charles Fourniau, *“Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định-Phú Yên (1885-1887)”*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 6/1982, tr. 49, 35, 35, 39, 39, 41, 41, 34, 35, 35.
- (4). Đào Thế Lũ, *Hoà Thống xưa và nay*, Sở Văn hoá Thông tin Phú Yên xuất bản, 1989.
- (5). Lam Giang, Võ Ngọc Nhã, *Đặng Đức Tuấn, tinh hoa công giáo ái quốc Việt Nam*, Tác giả tự xuất bản, Sài Gòn, 1970, tr. 551.
- (8), (9). J.Jean, “Mémoires de Son Excellence Huỳnh Côn dit Đan Tuong”, *Edition de la Revue Indochinoise*, Hanoi, 1924, p.357, p.358.
- (10). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 37, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 43.
- (11). Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 157.
- (13). G.Durwell (1900), “Trần Bá Lộc, Tổng đốc Thuận-Khanh Sa vie et son oeuvre Notice biographique d'après les documents de famille”, *BSEI*, n°2, p. 40.
- (14). *Arrêté déterminant le jour, l'heure et l'ordre de la revue des troupes du corps expéditionnaire du Phuyen*. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu J.1057, p. 108.
- (15). *Arrêté fixant la composition de la colonne expéditionnaire destinée à opérer dans la province du Phuyen*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội, Phòng Tư liệu, Ký hiệu J.989, p.78.
- (17). Theo Nguyễn Đình Tư, *Non nước Phú Yên*, Tiền Giang xuất bản năm 1965, tr. 145 có ghi: *“Lê Thành Phương bị Chánh tổng Hoà Bình là Đặng Trạch bắt nộp cho Trần Bá Lộc”*.
- (21). Cao Huy thuần, *Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1857-1914)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2003, tr. 492.